

Số: **26** /2026/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày **13** tháng **5** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện thu, nộp Phí sử dụng công trình
kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng
trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số
16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số
33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số
60/2024/QH15, Luật số 74/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số
94/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn
thi hành Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2013 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa
khẩu biên giới đất liền;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản
lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện
ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực
hiện thu, nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích
công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện
thu, nộp Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích
công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 5 năm 2026 và thay thế Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế phối hợp thực hiện thu, nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp thực hiện thu, nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã biên giới và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã biên giới;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; CVTH;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hải Hòa

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện thu, nộp Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26 /2026/QĐ-UBND ngày 13./5./2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trong việc phối hợp thực hiện thu, nộp Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng (sau đây gọi tắt là Phí sử dụng hạ tầng) trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân: Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế, Trung tâm quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng Khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế, Chi cục Hải quan khu vực XVI, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Kho bạc Nhà nước khu vực VII, Ủy ban nhân dân các xã biên giới (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị) và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị trên (sau đây gọi tắt là cán bộ).

2. Người nộp Phí sử dụng hạ tầng (sau đây gọi tắt là người nộp phí): Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ có phương tiện vận tải chở hàng hóa ra, vào khu vực cửa khẩu sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Thực hiện thường xuyên, liên tục, chặt chẽ và thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật. Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về mức độ hoàn thành công việc được giao với cơ quan quản lý cấp trên. Các cơ quan, đơn vị phối hợp, hợp tác chặt chẽ với cơ quan, đơn vị chủ trì để thống nhất phương án thực hiện nhiệm vụ.

2. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện thu, nộp phí nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp phí bảo đảm nhanh chóng, thủ tục đơn giản, tránh ách tắc ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

3. Đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định, tránh thất thoát nguồn thu phí nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Người nộp phí phải hoàn thành việc nộp Phí sử dụng hạ tầng trước khi điều khiển phương tiện vận tải chở hàng hóa ra khỏi khu vực kiểm soát của hệ thống hệ thống Ba-ri-e tại khu vực cửa khẩu.

Điều 4. Quy định về mẫu biểu kèm theo Quy chế

1. Mẫu số 01/TKP: Tờ khai Phí sử dụng hạ tầng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Người nộp phí tự in mẫu Tờ khai phí hoặc nhận trực tiếp tại cơ quan thu phí hoặc kê khai trên phần mềm thu phí (<https://thuphi.bqlkkt.caobang.gov.vn/>). Người nộp phí không được phép tự ý sửa chữa, tẩy xóa các thông tin trên mẫu Tờ khai Phí.

2. Mẫu số 02/ĐXN-CPT: Đơn xin xác nhận phương tiện vận chuyển hàng hóa đã nộp phí sang cửa khẩu khác để xuất khẩu.

3. Mẫu số 03/BBĐC: Biên bản đối chiếu.

4. Mẫu 04/BTHĐC: Biểu tổng hợp đối chiếu số thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

5. Mẫu 05/TKP-ĐC: Tờ khai Phí sử dụng hạ tầng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Cơ quan thu và địa điểm thu phí sử dụng hạ tầng

1. Cơ quan thu Phí sử dụng hạ tầng là: Trung tâm quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng Khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm).

2. Địa điểm thu phí: Các Trạm Kiểm soát liên hợp cửa khẩu; Nhà làm việc của các lực lượng chức năng tại các cửa khẩu chưa có Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu.

Điều 6. Quy định thu, nộp phí sử dụng hạ tầng

1. Quy trình thu, nộp phí sử dụng hạ tầng

a) Quy trình thu, nộp phí sử dụng phần mềm

Hệ thống phần mềm thu Phí sử dụng hạ tầng do Trung tâm quản lý tại địa chỉ <http://thuphi.bqlkkt.caobang.gov.vn>. Tài khoản trên Hệ thống phần mềm thu phí được cấp cho người nộp phí và các cán bộ phụ trách công tác phối hợp thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng thuộc các cơ quan Trung tâm, Chi cục Hải quan khu vực XVI, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng. Cán bộ, người nộp phí được cấp tài khoản trên Hệ thống phần mềm thu phí phải chịu trách nhiệm về bảo mật tài khoản cá nhân và thông tin kịp thời các vướng mắc phát sinh cho cơ quan quản lý phần mềm để điều chỉnh cho phù hợp.

Người nộp phí, cán bộ của các cơ quan, đơn vị sử dụng phần mềm thu phí để thực hiện quy trình thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng thông qua Hệ thống phần mềm thu phí, gồm các bước sau:

Bước 1: Căn cứ Tờ khai hải quan, người nộp phí truy cập vào Hệ thống phần mềm thu phí (phần hệ kê khai phí), thực hiện khai báo các thông tin trên Tờ khai phí và đính kèm bản điện tử Tờ khai Hải quan. Sau khi nộp Tờ khai phí thành công và nhận được thông báo xác nhận số tiền phí phải nộp, người nộp phí thanh toán tiền Phí sử dụng hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Bước 2: Cán bộ Trung tâm kiểm tra, đối chiếu thông tin trên Tờ khai phí, Tờ khai Hải quan với số tiền phí phải nộp theo quy định. Khi thông tin đối chiếu chính xác cán bộ Trung tâm xác nhận vào Tờ khai phí, thực hiện cấp biên lai thu phí sau khi người nộp phí đã nộp đủ tiền. Trường hợp thông tin đối chiếu chưa chính xác cán bộ Trung tâm trả lại Tờ khai phí, yêu cầu, hướng dẫn người nộp phí kê khai lại.

Bước 3: Cán bộ Hải Quan kiểm tra, đối chiếu các thông tin giữa Tờ khai Hải quan với Tờ khai phí. Khi thông tin đối chiếu chính xác cán bộ Hải quan xác nhận vào thông tin Tờ khai phí trên Hệ thống phần mềm thu phí.

Bước 4: Cán bộ Biên phòng kiểm tra, đối chiếu thông tin của phương tiện vận tải chở hàng hóa với Tờ khai phí, biên lai thu phí. Khi thông tin đối chiếu chính xác cán bộ Biên phòng xác nhận vào thông tin Tờ khai phí trên Hệ thống phần mềm thu phí, đồng thời cho phép các phương tiện vận tải chở hàng hóa được phép ra khỏi khu vực kiểm soát của hệ thống hệ thống Ba-ri-e tại khu vực cửa khẩu.

b) Quy trình thu, nộp phí không sử dụng phần mềm

Bước 1: Căn cứ Tờ khai hải quan, người nộp phí kê khai đầy đủ thông tin theo nội dung của Tờ khai phí, nộp 02 (hai) Tờ khai phí và 01 (một) bản sao Tờ khai Hải quan cho cán bộ Trung tâm thực hiện thu phí tại cửa khẩu.

Bước 2: Cán bộ Trung tâm kiểm tra, đối chiếu thông tin giữa Tờ khai phí với Tờ khai hải quan. Khi thông tin đối chiếu chính xác cán bộ Trung tâm cập nhật đầy đủ thông tin Tờ khai phí lên Hệ thống phần mềm thu phí, người nộp phí thực hiện thanh toán tiền Phí sử dụng hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều này. Cán bộ Trung tâm cấp biên lai thu phí và ký xác nhận 02 (hai) Tờ khai phí để trả lại cho người nộp phí.

Bước 3: Người nộp phí nộp 02 (hai) Tờ khai phí (đã có xác nhận của cán bộ Trung tâm) và biên lai thu phí cho cán bộ Hải quan để kiểm tra, đối chiếu các thông tin giữa Tờ khai Hải quan với Tờ khai phí. Khi thông tin đối chiếu chính xác cán bộ Hải quan xác nhận vào 02 (hai) Tờ khai phí; trả lại 02 (hai) Tờ khai phí và biên lai thu phí cho người nộp phí.

Bước 4: Người nộp phí nộp 02 (hai) Tờ khai phí (đã có xác nhận của cán bộ Trung tâm, Hải quan) và biên lai thu phí cho cán bộ Biên phòng kiểm tra, đối chiếu các thông tin giữa Tờ khai Phí, biên lai thu phí với thông tin của phương tiện vận tải chở hàng hóa. Khi thông tin đối chiếu chính xác cán bộ Biên phòng xác nhận vào 02 (hai) Tờ khai phí; trả lại 01 (một) Tờ khai phí và biên lai thu phí cho người nộp phí; lưu 01 (một) Tờ khai phí để đối chiếu số liệu. Đồng thời cho phép các phương tiện vận tải chở hàng hóa được phép ra khỏi khu vực kiểm soát của hệ thống hệ thống Ba-ri-e tại khu vực cửa khẩu.

2. Trường hợp trong quá trình thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng cán bộ Hải quan, cán bộ Biên phòng tại cửa khẩu khi phát hiện thông tin sai lệch thì yêu cầu người nộp phí quay lại địa điểm thu phí để kê khai vào Tờ khai điều chỉnh, bổ sung Phí sử dụng hạ tầng (Mẫu số 05/TKP-ĐC kèm theo Quy chế này) và nộp bổ sung hoặc được bù trừ, hoàn trả tiền Phí sử dụng hạ tầng (nếu có chênh lệch). Quy trình thực hiện thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng khi sửa đổi, bổ sung thực hiện theo trình tự tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

3. Nộp phí sử dụng hạ tầng:

a) Phương thức nộp Phí sử dụng hạ tầng: Người nộp phí chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng thương mại do Trung tâm cung cấp được niêm yết công khai tại địa điểm thu phí hoặc trên Hệ thống phần mềm thu phí ((nội dung chuyển khoản cần ghi rõ thông tin: tên cửa khẩu, tên doanh nghiệp, số hiệu tờ khai phí, số hiệu tờ khai phí sửa đổi, bổ sung (nếu có)). Trường hợp ngân hàng xảy ra sự cố không chuyển khoản được số tiền phí phải nộp, người nộp phí nộp trực tiếp cho cán bộ phụ trách thu phí tại cửa khẩu.

b) Đồng tiền thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng: Đồng Việt Nam (VND).

4. Trường hợp người nộp phí đã nộp phí sử dụng hạ tầng nhưng thay đổi cửa khẩu xuất hàng trong địa bàn tỉnh Cao Bằng.

a) Tại cửa khẩu làm thủ tục ban đầu: Người nộp phí nộp 02 (hai) đơn xin xác nhận (Mẫu số 02/ĐXN-CPT kèm theo Quy chế này), kèm theo Tờ khai phí và biên lai thu phí cho cán bộ Trung tâm, cán bộ Hải quan, cán bộ Biên phòng. Các cán bộ kiểm tra, đối chiếu thông tin thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, nếu thông tin kiểm tra chính xác thì xác nhận vào đơn, cán bộ Trung tâm cập nhật thông tin chuyển cửa khẩu trên Hệ thống phần mềm thu phí và trả lại 01 (một) đơn xin xác nhận, tờ khai phí và biên lai thu phí cho người nộp phí và lưu lại 01 (một) đơn xin xác nhận để đối chiếu số liệu.

b) Tại cửa khẩu làm thủ tục xuất hàng: Người nộp phí xuất trình đơn xin xác nhận, tờ khai phí và biên lai thu phí cho cán bộ Trung tâm, cán bộ Hải quan, cán bộ Biên phòng kiểm tra làm thủ tục thông quan. Cơ quan Biên phòng lưu lại đơn xin xác nhận và trả lại tờ khai phí và biên lai thu phí cho người nộp phí.

5. Thời gian thực hiện quy trình thu, nộp phí sử dụng hạ tầng

Cán bộ tham gia thực hiện quy trình thu, nộp phí sử dụng hạ tầng được quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này hoàn thành công tác kiểm tra, đối chiếu, xác nhận trong thời gian tối đa là 10 phút kể từ khi nhận được đề nghị của người nộp phí hoặc nhận được thông báo của Hệ thống phần mềm thu phí.

Điều 7. Quy định về đối chiếu số liệu thu, nộp phí sử dụng hạ tầng

1. Đối chiếu số thu phí sử dụng hạ tầng tại cửa khẩu

Định kỳ vào 08 giờ 00 ngày làm việc, Trưởng các Văn phòng quản lý cửa khẩu chủ trì, phối hợp với đại diện các cơ quan Biên phòng, cơ quan Hải quan và Trung tâm thực hiện đối chiếu số liệu thu Phí sử dụng hạ tầng ngày hôm trước, lập biên bản đối chiếu và ký xác nhận. Các nội dung cụ thể như sau:

a) Đại diện Trung tâm: cung cấp bảng kê Tờ khai phí (Tờ khai phí sửa đổi, bổ sung nếu có), số liệu thu Phí sử dụng hạ tầng.

b) Đại diện cơ quan Hải quan: cung cấp danh sách Tờ khai Hải quan, các loại hình xuất nhập khẩu hàng hóa.

c) Đại diện cơ quan Biên phòng: bàn giao lại Tờ khai phí cho cán bộ Trung tâm, việc bàn giao được lập thành sổ có ký nhận của bên giao, bên nhận. Cung cấp số lượng, biên kiểm soát phương tiện vận tải chở hàng hóa, hàng hóa đã ra khỏi khu vực kiểm soát của hệ thống hệ thống Ba-ri-e tại khu vực cửa khẩu cho cán bộ Trung tâm để lưu trữ, kiểm tra, đối chiếu.

2. Đối chiếu số thu, nộp phí:

Định kỳ một tháng 02 lần: lần 01 từ ngày 01 đến hết ngày 15; lần 02 từ ngày 16 đến hết ngày cuối cùng của tháng. Trước ngày 17 hàng tháng và trước ngày 02 tháng tiếp theo Trung tâm tổng hợp số liệu thu, nộp phí tại cửa khẩu theo mẫu số 04/BTHĐC kèm theo Quy chế này thực hiện đối chiếu với Kho bạc Nhà nước khu vực VII.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Các cơ quan, đơn vị liên quan và người nộp phí phải tuân thủ thực hiện đúng quy định đối với việc thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng và quy định về đối chiếu số liệu tại Điều 6, Điều 7 Quy chế này. Ngoài ra các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng Khu kinh tế:

a) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện thu đúng, thu đủ khoản Phí sử dụng hạ tầng trong khu vực các cửa khẩu; nộp đầy đủ, kịp thời số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Quản lý, vận hành Hệ thống phần mềm thu phí tạo thuận lợi cho người nộp phí và đơn vị phối hợp thực hiện quy trình thu phí trên Hệ thống phần mềm thu phí. Thực hiện cấp tài khoản cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ thu phí thuộc các cơ quan, đơn vị liên quan và người nộp phí để phối hợp thực hiện quy trình thu phí.

c) Bố trí đầy đủ cán bộ thực hiện nhiệm vụ thu phí tại cửa khẩu, trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị cần thiết phục vụ công việc thu phí;

d) Chỉ đạo cán bộ thực hiện nhiệm vụ thu phí tại cửa khẩu:

- Hướng dẫn người nộp phí kê khai thông tin tại Tờ khai phí và thực hiện quy trình thu, nộp phí đúng quy định;

- Phối hợp với Văn phòng Quản lý cửa khẩu, lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong thực hiện quy trình thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng và đối chiếu số liệu thu phí.

2. Cơ quan Hải quan cửa khẩu:

a) Cử cán bộ phụ trách sử dụng tài khoản trên phần mềm thu phí để kiểm tra đối chiếu thông tin.

b) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan thu phí trong việc giải quyết vấn đề phát sinh trong thực hiện quy trình thu, nộp phí sử dụng hạ tầng và phối hợp đối chiếu số liệu theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy chế này.

3. Cơ quan Biên phòng cửa khẩu:

a) Cử cán bộ phụ trách sử dụng tài khoản trên phần mềm thu phí để kiểm tra đối chiếu thông tin.

b) Cho phép các phương tiện vận tải chở hàng hóa được phép ra khỏi khu vực kiểm soát của hệ thống hệ thống Ba-ri-e tại khu vực cửa khẩu khi các thông tin khớp đúng, chính xác với Tờ khai phí và biên lai thu phí do người nộp phí xuất trình.

c) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan thu phí, cơ quan Hải quan trong việc giải quyết vấn đề phát sinh trong quy trình thu, nộp phí sử dụng hạ tầng và phối hợp đối chiếu số liệu theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy chế này.

4. Các Văn phòng Quản lý cửa khẩu

Chủ trì thực hiện việc đối chiếu số liệu thu, nộp phí sử dụng hạ tầng tại các cửa khẩu thuộc phạm vi quản lý. Giám sát chặt chẽ cán bộ thu phí tại cửa khẩu thu đúng, thu đủ, nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Kho bạc Nhà nước khu vực VII

Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Trung tâm trong việc cung cấp, đối chiếu số tiền nộp Phí sử dụng hạ tầng vào ngân sách nhà nước.

6. Ủy ban nhân dân các xã biên giới

Chỉ đạo các phòng, đơn vị phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng Khu kinh tế và các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu trong công tác thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng.

7. Trách nhiệm của người nộp phí

Đăng ký, kê khai Tờ khai phí và nộp Phí sử dụng hạ tầng đúng, đủ, kịp thời theo quy định và chấp hành nghiêm hướng dẫn của các cán bộ, cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9: Trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế

1. Ban Quản lý khu kinh tế, Chi cục Hải quan khu vực XVI, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Kho bạc Nhà nước khu vực VII có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm yết công khai Quy chế này tại địa điểm làm việc của cơ quan, đơn vị để các tổ chức, cá nhân thực hiện xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng biết để thực hiện.

Thực hiện phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ thu, nộp Phí sử dụng hạ tầng của các đơn vị thuộc phạm

vi quản lý. Ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi lạm thu, gây thất thu tiền phí hoặc ảnh hưởng đến công tác thu và quản lý thu phí sử dụng hạ tầng.

2. Sở Tài chính phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện công tác quản lý thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý, giám sát chặt chẽ việc thu, nộp Phí hạ tầng theo quy định tại Quy chế này và các văn bản hiện hành khác. Chỉ đạo các Văn phòng Quản lý cửa khẩu thực hiện công tác giám sát thu, nộp phí theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

4. Kho bạc Nhà nước khu vực VII chỉ đạo các đơn vị kho bạc trực thuộc phối hợp đối chiếu số nộp Phí sử dụng hạ tầng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

5. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Chi cục Hải quan khu vực XVI chỉ đạo các đơn vị tại cửa khẩu thực hiện nhiệm vụ giao tại Quy chế này, chủ động phối hợp với cơ quan thu phí để thực hiện quy trình thu hiệu quả và thông suốt, không để thất thoát ngân sách nhà nước.

6. Ủy ban nhân dân các xã biên giới:

a) Chỉ đạo các phòng, đơn vị tuyên truyền, phối hợp thực hiện tốt các quy định tại Quy chế này;

b) Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chuyên ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan tại cửa khẩu quản lý, giám sát chặt chẽ việc thu phí theo đúng quy định.

Điều 10. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 05 hàng tháng, Văn phòng Quản lý cửa khẩu báo cáo kết quả công tác đối chiếu số liệu thu, nộp phí tháng trước theo Điều 7 Quy chế này gửi về Ban Quản lý khu kinh tế.

2. Trung tâm đối chiếu số liệu thu, nộp phí với Kho bạc Nhà nước khu vực VII báo cáo kết quả gửi Ban Quản lý khu kinh tế định kỳ trước ngày 18 hàng tháng và ngày 03 tháng sau theo mẫu số 04/BTHĐC.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc hoặc có vấn đề không phù hợp, yêu cầu các tổ chức, cá nhân, đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh) để tổng hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Số TKP:.....
Ngày..... thángnăm

Mẫu số: 01/TKP

TỜ KHAI PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG, CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ, TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG TRONG KHU VỰC CỬA KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **26** /2026/QĐ-UBND ngày **13** / **5** /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Tổ chức, cá nhân nộp phí:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Mã số thuế/Số CCCD:.....
4. Số tờ khai Hải quan:.....ngày.....tháng.....năm 20.....
5. Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh, hàng hóa nước ngoài gửi kho ngoại quan: ☐
6. Phương tiện vận tải hàng hóa khác vào khu vực cửa khẩu, bao gồm:
(i) Loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chuyển khẩu: ☐
(ii) Loại hình xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh và các loại hình khác: ☐
7. Thông tin hàng hóa, phương tiện và số phí sử dụng hạ tầng phải nộp:

TT	Phần tổ chức/ cá nhân kê khai (Người nộp phí)							Phần tính phí của cán bộ thu phí			
	Danh mục hàng hóa	Phương tiện vận tải		Cửa khẩu xuất/nhập	Số lượng			Mức thu phí (VNĐ)	Số tiền phí (VNĐ)	Số biên lai thu	Ghi chú
		Số biển kiểm soát	Số hiệu container/ xe		Container 40 Feet	container 20 Feet	PT vận tải hàng hóa không phải là Container (tấn)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....					...	...		...	...		...

9. Số tiền bằng chữ:.....

10. Biên lai thu phí số:.....ngày.....tháng.....năm

NGƯỜI NỘP PHÍ

Tôi xin cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai tại mục 1 đến mục 8 Tờ khai này.

Ngày.....tháng.....năm....

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CÁN BỘ THU

TIỀN PHÍ

Ngày.....tháng.....năm...

(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC

HẢI QUAN

Ngày.....tháng.....năm...

(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CÁN BỘ

BIÊN PHÒNG

Ngày....tháng....năm...

(Ký, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN

**PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA ĐÃ NỘP PHÍ SỬ DỤNG HẠ
TẦNG SANG CỬA KHẨU KHÁC ĐỂ XUẤT KHẨU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **26** /2026/QĐ-UBND ngày **13** / **5** /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Kính gửi:

- Cơ quan Hải quan cửa khẩu
- Cơ quan thu phí tại cửa khẩu.....
- Cơ quan Biên phòng tại cửa khẩu.....

Tên doanh nghiệp/người nộp phí:.....

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Đề nghị cơ quan Thu phí, Hải Quan, Biên phòng tại cửa khẩu..... xác nhận phương tiện đã nộp phí theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng cho chúng tôi để chuyển sang cửa khẩu.....

STT	Loại phương tiện	Số biển kiểm soát (Số containe)	Ghi chú
1			
2			

- Tổng số phương tiện đề nghị chuyển:

- Tờ khai hải quan số.....ngày tháng...năm.....

- Biên lai thu tiền số : ngày.... tháng...năm.....

- Thời gian dự kiến xuất hàng: cửa khẩu xuất:

Công ty chúng tôi xin cam kết sẽ thực hiện đầy đủ mọi nguyên tắc về an ninh biên giới, an toàn về hàng hóa do cửa khẩu đề ra./.

Ý kiến xác nhận của
công chức Hải quan...

Ý kiến xác nhận của cán
bộ Biên phòng

Ý kiến xác nhận của cán
bộ thu tiền phí

Ngày.....tháng.....năm...

Đ/D Người nộp phí/công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **26** /2026/QĐ-UBND ngày **13** / **5** /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngàytháng.....năm 20.. của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế phối hợp thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... phút ngày... tháng...năm...., tại trụ sở nhà làm việc cửa khẩu, chúng tôi gồm có:

I. THÀNH PHẦN

1. Ông (bà): Trưởng Ban Quản lý cửa khẩu/đại diện cửa khẩu (Chủ trì)
2. Ông (bà): Đại diện Biên phòng;
3. Ông (bà): Đại diện Hải quan;
4. Ông (bà): Đại diện cơ quan thu phí thuộc Trung tâm quản lý và KTDVHT Khu kinh tế.

II. NỘI DUNG

Trưởng cửa khẩu/đại diện cửa khẩu điều hành việc đối chiếu số liệu tờ khai, số lượng phương tiện và số tiền thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng phát sinh trong ngày... tháng...năm 20 ,cụ thể như sau:

1. Số liệu Biên phòng:

- Số lượng phương tiện,xe đã kiểm soát thực xuất;xe
- Số lượng phương tiện xuất khẩu;xe
- Số lượng phương tiện nhập khẩu;xe.
- Phát sinh trong ngày (nếu có): Thông tin về phương tiện xử lý;.....
-
- + Sửa chữa sai sót về biên số phương tiện; Trọng tải: Đơn chuyển cửa khẩu đến và đi:.....

2. Số liệu Hải quan:

- Tổng số tờ khai hải quan:.....tờ khai; Trong đó:
- Phương tiện chở hàng hóa theo các loại hình: tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh, hàng hóa nước ngoài gửi kho ngoại quan:..... tờ khai
- Phương tiện vận tải hàng hóa khác vào khu vực cửa khẩu:
- + Hàng hóa theo loại hình: gia công, sản xuất xuất khẩu, chuyển khẩu:.....
- tờ khai
- + Hàng hóa theo loại hình: xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh và các loại hình khác:.....tờ khai

- Phương tiện hàng hóa là xe ô tô, xe tự hành, xe chuyên dùng, máy chuyên dùng các loại (tương đương công năng như xe ô tô, xe chuyên dùng):..... tờ khai
- Phát sinh trong ngày (nếu có): Thông tin về phương tiện xử lý;
- + Số xeTKHQ.....Cty.....
- + Sửa chữa sai sót về loại hình hàng hóa:.....
- + Phương tiện chuyển cửa khẩu..... đến và đi:.....
- + Nộp bổ sung:.....đồng. Lý do thu bổ sung.....

3. Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng Khu kinh tế

- Tổng số tờ khai phí:..... tờ; Biên lai thu phí:.....tờ: Biên lai bổ sung.....tờ;

- Tổng số tiền thu được:đồng

Bằng chữ:

Biên bản kết thúc cùng ngày, đã được các bên thông qua và nhất trí ký xác nhận, biên bản lập thành 05 (năm) bản mỗi bên lưu 01 bản./.

Đ/D Hải quan
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đ/D biên phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đ/D Trung tâm
QLKTDVHT Khu kinh tế**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đ/D Văn phòng Quản lý cửa khẩu
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP ĐỐI CHIẾU SỐ THU, NỘP PHÍ SỬ DỤNG HẠ TẦNG TRONG
KHU VỰC CỬA KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **26** /2026/QĐ-UBND ngày **13** / **5** /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu	Số lượng		Thành tiền (đồng)		Số tiền phí nộp ngân sách lũy kế đến cuối kỳ báo cáo (50%)		Số tiền phí để lại lũy kế đến cuối kỳ báo cáo (50%)	Ghi chú
				Trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Số đã nộp	Số còn phải nộp		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	CỬA KHẨU TÀ LÙNG (TỔNG CỘNG I+II)										
I	Phương tiện chở hàng hóa theo loại hình: tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh, hàng hóa nước ngoài gửi kho ngoại quan (1+2+3)										
1	Phương tiện vận tải hàng hóa là container 40 feet	đồng/container	4.000.000								
2	Phương tiện vận tải hàng hóa là container 20 feet	đồng/container	2.800.000								
3	Phương tiện vận tải hàng hóa không phải là container	đồng/tấn	160.000								
II	Phương tiện vận tải hàng hóa khác vào khu vực cửa khẩu (II.1+II.2)										
II.1	Phương tiện chở hàng theo loại hình: gia công, sản xuất xuất khẩu, chuyển khẩu (1+2+3)										
1	Phương tiện vận tải hàng hóa là container 40 feet	đồng/container	1.600.000								
2	Phương tiện vận tải hàng hóa là container 20 feet	đồng/ container	1.120.000								
3	Phương tiện vận tải hàng hóa không phải là container	đồng/tấn	80.000								
II.2	Phương tiện chở hàng hóa theo loại hình: xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh và các loại hình khác (1+2+3)										

[illegible]

1	Phương tiện vận tải hàng hóa là container 40 feet	đồng/Container	640.000								
2	Phương tiện vận tải hàng hóa là container 20 feet	đồng/Container	400.000								
3	Phương tiện vận tải hàng hóa không phải là container	đồng/tấn	20.000								
TỔNG CỘNG (I+II)											

NGƯỜI LẬP BIỂU
Ngày....tháng....năm...
(Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC
 NHÀ NƯỚC KHU VỰC VII**
(Số tiền thu phí đã nộp vào ngân sách nhà nước)
Ngày....tháng....năm...
(Ký, đóng dấu)

**XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM
 QL&KTDV HẠ TẦNG KKT**
Ngày....tháng....năm...
(Ký, đóng dấu)

Số TKP-ĐC:.....
Ngày..... thángnăm

TỜ KHAI PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG, CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ, TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG TRONG KHU VỰC CỬA KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **26** /2026/QĐ-UBND ngày **13** / **5** /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Tổ chức, cá nhân nộp phí:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Mã số thuế/Số CCCD:.....

4. Số tờ khai Hải quan:.....ngày.....tháng.....năm 20.....

5. Số tờ khai phí đã kê khai:.....ngày.....tháng..... nămtại.....

6. Thông tin đã kê khai theo số tờ khai.....ngày.... tháng.... nămtại.....

- Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh, hàng hóa nước ngoài gửi kho ngoại quan: ☐

- Phương tiện vận tải hàng hóa khác vào khu vực cửa khẩu, bao gồm:

+ Loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chuyển khẩu: ☐

+ Loại hình xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh và các loại hình khác: ☐

Thông tin hàng hóa, phương tiện và số phí sử dụng hạ tầng đã nộp:

Thông tin hàng hóa, phương tiện và số phi sử dụng nà tạng da nộp.

TT	Phần tổ chức/ cá nhân kê khai (Người nộp phí)							Phần tính phí của cán bộ thu phí			
	Danh mục hàng hóa	Phương tiện vận tải		Cửa khẩu xuất/nhập	Số lượng			Mức thu phí (VNĐ)	Số tiền phí (VNĐ)	Số biên lai thu	Ghi chú
		Số biển kiểm soát	Số hiệu container/ xe		Container 40 Feet	container 20 Feet	PT vận tải hàng hóa không phải là Container (tấn)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....					...	...		...	...		...

7. Thông tin điều chỉnh, bổ sung

- Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh, hàng hóa nước ngoài gửi kho ngoại quan: ☐
- Phương tiện vận tải hàng hóa khác vào khu vực cửa khẩu, bao gồm:
 - + Loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chuyển khẩu: ☐
 - + Loại hình xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh và các loại hình khác: ☐
- Thông tin hàng hóa, phương tiện và số phí sử dụng hạ tầng phải nộp:

TT	Phần tổ chức/ cá nhân kê khai (Người nộp phí)							Phần tính phí của cán bộ thu phí			
	Danh mục hàng hóa	Phương tiện vận tải		Cửa khẩu xuất/nhập	Số lượng			Mức thu phí (VNĐ)	Số tiền phí (VNĐ)	Số biên lai thu	Ghi chú
		Số biên kiểm soát	Số hiệu container/ xe		Container 40 Feet	container 20 Feet	PT vận tải hàng hóa không phải là Container (tấn)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....					...	...		...	...		...

8. Lý do điều chỉnh, bổ sung:.....

9. Số tiền chênh lệch (phải nộp bổ sung hoặc bù trừ/hoàn trả).....

Bằng chữ:.....

10. Biên lai thu phí bổ sung (nếu có) số:.....ngày.....tháng.....năm

NGƯỜI NỘP PHÍ

Tôi xin cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai tại mục 1 đến mục 8 Tờ khai này.
Ngày....tháng....năm...
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CÁN BỘ

THU TIỀN PHÍ

Ngày....tháng....năm...
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC

HẢI QUAN

Ngày....tháng....năm...
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CÁN BỘ

BIÊN PHÒNG

Ngày....tháng....năm...
(Ký, đóng dấu)